TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/10/2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Liệu.
2. Ông Phạm Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 331/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm: 1995.
Địa chỉ: Tổ 11, ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Văn C**, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: Tổ 11, ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị S có mặt và anh C có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2018, bản tự khai ngày 04/7/2018, biên bản phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải ngày 25/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh C không lo làm ăn, không quan tâm đến chị nên vợ chồng cãi nhau thì anh C đánh chị, nên tháng 8 năm 2017 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Vũ Văn C.

Về con chung: Chị và anh C không có con chung và hiện nay chị cũng không có mang thai với anh C.

Về tài sản chung: Chị và anh C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung*:* Chị và anh C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị S không trình bày gì thêm và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Tại bản tự khai ngày 13/9/2018 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/9/2018 bị đơn anh Vũ Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị S quen nhau năm 2016, sau đó hai bên tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2017. Anh thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Chị S tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống mặc dù anh có nhắn tin, gọi điện khuyên bảo chị S quay về nhưng không được, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay. Nay chị S xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị S không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung*:* Anh và chị S không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 13/9/2018, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Đ:

Về tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng chị S và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, khả năng đoàn tụ không có và sống ly thân với nhau, nên yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ. Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh C đã đồng ý ly hôn với chị S.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S.

Về án phí: Chị S phải chịu tiền án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Anh Vũ Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh C.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Vũ Văn C hiện đang cư trú tại tổ 11, ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Nguyễn Thị S là nguyên đơn, anh Vũ Văn C là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo thì áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 220, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 55, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Vũ Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2017, nên hôn nhân giữa chị S và anh C được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị S: Chị S xin ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh C không lo làm ăn, không quan tâm đến chị nên vợ chồng cãi nhau thì anh C đánh chị dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt và vợ chồng đã sống ly thân. Anh C xác định lời khai của chị S là đúng, vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân với nhau, anh C đồng ý ly hôn với chị S.

Qua xem xét lời trình bày của chị S và anh C có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị S, anh C thật sự đã có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C đồng ý ly hôn với chị S. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S. Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Vũ Văn C.

[7] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là về cơ bản phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 220, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S. Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Vũ Văn C.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm chị S đã nộp theo biên lai số 005549 ngày 28/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được tính trừ vào tiền án phí chị S phải chịu. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

4. Chị Nguyễn Thị S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thanh Hà